

Bản án số: 179/2024/DS-ST
Ngày: 24/10/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Minh Quang.
- Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 420/2023/TLST-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2024/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 219/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông **Phan Hữu L**, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông L, bà T có yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 07/10/2024.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Đinh Thị Bé M**, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

2. Ông **Phạm Văn H1**, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2023, biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2024 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày như sau:*

Bà có quan hệ bạn bè, quen biết với ông L, bà T. Vào năm 2022, ông L nhiều lần mượn tiền bà, cụ thể:

Lần thứ 1, ngày 24/6/2022 âm lịch, tức ngày 26/7/2022 dương lịch, ông L mượn bà số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Lần thứ 2, ngày 14/8/2022 ông L mượn bà số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Lần thứ 3, ngày 15/8/2022, ông L mượn bà số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Hai bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả. Những lần đưa tiền ông L, bà đưa tiền mặt, không có lập văn bản giao tiền và cũng không có ai chứng kiến việc giao tiền. Ngày 13/4/2023, bà có nhắn tin với ông L và ông L có xác nhận tin nhắn là còn nợ số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), bà có chụp màn hình điện thoại và giao nộp cho Tòa án. Ngoài ra, ngày 28/3/2024, chồng bà H là ông S có gọi điện cho ông L thì ông L cũng xác nhận còn nợ bà số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Bà có gửi file ghi âm cùng bản lược giải ghi âm cho Tòa án.

Do yêu cầu nhiều lần nhưng phía ông L, bà T không trả nợ nên bà khởi kiện yêu cầu ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả 10%/năm tính từ ngày 26/7/2022 (ngày cho vay đầu tiên) cho đến ngày Tòa án xét xử (24/10/2024).

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Ngọc H thay đổi yêu cầu tính lãi, ngày 13/4/2023, bà có nhắn tin yêu cầu ông L, bà T trả nợ và hẹn 02 tháng sau (ngày 13/6/2023) phải trả nhưng đến nay, ông L, bà T không trả nợ. Do đó, bà H yêu cầu tính lãi từ ngày 13/6/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử (24/10/2024) với số tiền lãi là 95.472.000 đồng (Chín mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

** Tại Biên bản lấy lời ngày 07/10/2024, bị đơn ông Phan Hữu L có ý kiến như sau:*

Ông thừa nhận vào năm 2022, ông có mượn tiền bà Nguyễn Ngọc H nhiều lần với số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Mục đích mượn tiền để làm ăn, trang trải cuộc sống gia đình. Đối với yêu cầu trả số tiền vay của bà H thì ông đồng ý trả nợ gốc, không đồng ý trả lãi và do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa có khả năng trả cho bà H, khi nào có tiền sẽ thanh toán. Trước đây, người đại diện theo ủy quyền của ông là ông Phạm Văn H1 có yêu cầu giám định âm thanh. Nay ông rút lại yêu cầu này và có yêu cầu giải quyết vắng mặt trong vụ án này.

** Tại Biên bản lấy lời ngày 07/10/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T có ý kiến như sau:*

Bà là vợ ông Phan Hữu L, vợ chồng bà là chỗ làm ăn lâu năm với bà Nguyễn Ngọc H. Bà thống nhất với lời khai của ông Phan Hữu L. Bà thừa nhận có biết chồng bà là ông Phan Hữu L có mượn số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) của bà Nguyễn Ngọc H. Bà thừa nhận và đồng ý cùng ông L trả số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) nợ gốc, không đồng ý trả lãi. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông bà chưa có khả năng trả cho bà H, khi nào có tiền sẽ thanh toán và có yêu cầu giải quyết vắng mặt trong vụ án này.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có chấp hành tốt; những người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành tốt là vi phạm nghĩa vụ đương sự theo quy định tại Điều 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 463, 465, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H đối với ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc H số tiền vay 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Buộc ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T chịu lãi số tiền lãi 10%/năm từ ngày 13/6/2023 cho đến ngày xét xử (26/01/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T trả tiền nợ vay. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại Ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Hữu L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T là bà Đinh Thị Bé M, ông Phạm Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà T, ông H1, bà M là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[4] Bà Nguyễn Ngọc H khởi kiện cho rằng có cho ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T vay số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) vào các ngày 22/7/2022, ngày 14/8/2022, ngày 15/8/2022 việc vay tiền không lập thành văn bản, hai bên không thỏa thuận lãi suất cũng như thời hạn trả nợ. Sau khi vay, bà H có nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông L, bà T không thanh toán nên bà khởi kiện. Căn cứ khởi kiện là tin nhắn chụp màn hình điện thoại (bút lục 26), USB kèm file ghi âm và Bản lược giải ghi âm (bút lục 16-20).

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T thừa nhận có vay tiền bà Nguyễn Ngọc H số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) và còn nợ đến nay chưa trả. Đây là sự thừa nhận của các bên là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H có cơ sở, phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 288, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu tính lãi suất hợp đồng vay: Bà Nguyễn Ngọc H yêu cầu tính lãi chậm trả khoản tiền vay 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), với lãi suất 10%/năm. Thời gian tính lãi từ sau 02 tháng từ ngày bà yêu cầu ông L, bà T trả nợ bằng tin nhắn điện thoại (13/4/2023) là ngày 13/6/2023 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án (24/10/2024).

Xét hợp đồng vay hai bên không có thỏa thuận lãi suất cũng như thời hạn thanh toán, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 thì đây là hợp đồng không có kỳ hạn và không có lãi suất.

Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay

cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định:

“..a) Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết “thời gian hợp lý” đến thời điểm xét xử sơ thẩm. “Thời gian hợp lý” quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 1995, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do Tòa án căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo..”

Do đó, ngày 13/4/2023, bà Nguyễn Ngọc H có thông báo cho ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T trả nợ và yêu cầu tính lãi từ ngày 13/6/2024 (không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo) đến ngày xét xử (24/10/2024) là phù hợp với các quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cụ thể: Từ ngày 13/6/2023 đến ngày 24/10/2024 là 16 tháng 11 ngày.

$700.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 16 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 95.472.000 \text{ đồng}$ (Chín mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Tổng tiền lãi, gốc của hai khoản vay là 795.472.000 đồng (Bảy trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Vậy, ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới phải trả bà Nguyễn Ngọc H số tiền gồm tiền vay và lãi là 795.472.000 đồng (Bảy trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng), bao gồm 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) tiền nợ gốc, 95.472.000 đồng (Chín mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền lãi.

[6] Về việc trả dần: Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T có yêu cầu được trả dần nhưng chưa có phương án trả và yêu cầu này cũng không được bà Nguyễn Ngọc H chấp nhận. Xét thấy, đây là việc thỏa thuận các bên tại giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định.

Cụ thể: 795.472.000 đồng = 20.000.000 đồng + 395.472.000 đồng x 4% = 35.818.880 đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm mười tám nghìn tám trăm tám mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 288, 463, 465, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H đối với ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc H số tiền nợ vay 795.472.000 đồng (B trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng), bao gồm 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) tiền nợ gốc, 95.472.000 đồng (Chín mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí là 35.818.880 đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm mười tám nghìn tám trăm tám mươi đồng).

H2 lại cho bà Nguyễn Ngọc H số tiền án phí đã nộp là 17.577.000 (Mười bảy triệu năm trăm Bảy trăm bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000671 ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Long Hồ